TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST Ngày: 13-4-2018 V/v tranh chấp "Yêu cầu ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.

2. Bà Trần Phạm Thị Hồng Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp – Thư ký tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 337/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017, về tranh chấp: "*Yêu cầu ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2018/QĐST-HPT ngày 03/4/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Hồng A; sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Hàng 4, tổ 04, ấp V, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Hoàng Anh D, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Hàng 4, tổ 04, ấp V, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Bà A, ông D có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, các văn bản làm việc tại Toà án, nguyên đơn bà Trương Thị Hồng A trình bày:

Bà Trương Thị Hồng A và ông Hoàng Anh D chung sống với nhau và đăng ký kết hôn kết hôn vào ngày 28/12/1996 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu bà A và ông D sống hạnh phúc và lo làm ăn nhưng sau đó vào năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông D thường xuyên uống rượu, không chăm lo đời sống gia đình, thường xuyên đánh đập vợ con. Bà A và ông D đã nhiều lần làm hòa nhưng vẫn không sống chung với nhau được và đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Bà A cảm

thấy không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà A đã nhiều lần cố gắng để đoàn tụ gia đình nhưng đến nay vẫn không có kết quả.

Về quan hệ hôn nhân: Bà A yêu cầu được ly hôn với ông Hoàng Anh D.

Về con chung: Bà A và ông D có 03 con chung là cháu Hoàng Trương P, sinh ngày: 03/01/1998, cháu Hoàng Trương T, sinh ngày 20/01/2001 và cháu Hoàng Khánh N, sinh ngày 15/10/2009.

Hiện cháu P đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên ở với ai là quyền của cháu. Bà A có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu T và cháu N. Bà A yêu cầu ông D phải cấp dưỡng để bà A nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng/ tháng cho mỗi cháu. Tính cho 2 cháu là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hoàng Anh D trình bày:

Sau khi tìm hiểu nhau được một thời gian thì ông Dg và bà A đi đến hôn nhân. Đăng ký kết hôn vào ngày 28/12/1996 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới tai hai bên gia đình. Khi kết hôn xong thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bố mẹ ruột ông D cho đất hai vợ chồng để sinh sống nhưng không sang tên giấy tờ đất nên giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đồng thời bà A hay ghen tuông vô cớ nên giữa hai vợ chồng hay cãi vả nhau, không tìm thấy tiếng nói chung. Trong quá trình chung sống bà A và ông D có 03 con chung là cháu Hoàng Trương P, sinh ngày: 03/01/1998, cháu Hoàng Trương T, sinh ngày 20/01/2001 và cháu Hoàng Khánh N, sinh ngày 15/10/2009.

Nay bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà A được ly hôn với ông D, mặc dù giữa hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và cãi vả nhau nhưng ông D không đồng ý ly hôn với bà A vì ông D theo đạo Công giáo và ông Dũng muốn hàn gắn tình cảm với bà A.

Về con chung: Ông D và bà A có 03 con chung là cháu Hoàng Trương P, sinh ngày: 03/01/1998, cháu Hoàng Trương T, sinh ngày 20/01/2001 và cháu Hoàng Khánh N, sinh ngày 15/10/2009.

Hiện cháu P đã trưởng thành nên ở với ai là quyền của cháu. Nếu cháu T và cháu N có nguyện vọng ở với bà A thì ông D đồng ý cho bà A được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu T và cháu N. Ông D đồng ý cấp dưỡng để bà A nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng/tháng cho mỗi cháu. Tính cho 2 cháu là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án bà A và ông D sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Sau đó phát sinh mâu thuẫn. Bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Ân được ly hôn với ông D nên Tòa án cần xử chấp nhận yêu cầu của bà A. Về con chung giải quyết theo nguyện vọng của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bà Trương Thị Hồng A và ông Hoàng Anh D chung sống với nhau và đăng ký kết hôn kết hôn vào ngày 28/12/1996 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Nay bà A yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Nơi cư trú của ông Hoàng Anh D là xã Bình Giã, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông D sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẩn. Theo bà A thì nguyên nhân mâu thuẩn là do ông D thường xuyên uống rượu, không chăm lo đời sống gia đình, thường xuyên đánh đập vợ con. Bà A và ông D đã nhiều lần làm hòa nhưng vẫn không sống chung với nhau được và đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Còn theo ông D thì nguyên nhân mâu thuẩn là do bố mẹ ruột ông D cho đất hai vợ chồng để sinh sống nhưng không sang tên giấy tờ đất nên giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đồng thời bà A hay ghen tuông vô cớ nên giữa hai vợ chồng hay cãi vả nhau, không tìm thấy tiếng nói chung. Như vậy giữa bà A và ông D có mâu thuẫn, bà A và ông D sống ly thân là có thật. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà A và ông D ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Trương Thị Hồng A được ly hôn với ông Hoàng Anh D.

Về con chung: Bà A và ông D có 03 con chung là cháu Hoàng Trương P, sinh ngày: 03/01/1998, cháu Hoàng Trương T, sinh ngày 20/01/2001 và cháu Hoàng Khánh N, sinh ngày 15/10/2009.

Hiện cháu P đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên ở với ai là quyền của cháu.

Bà A có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu T và cháu N. Bà A yêu cầu ông D phải cấp dưỡng để bà A nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng/tháng cho mỗi cháu. Tính cho 2 cháu là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng)/tháng và ông D đồng ý. Do đó xử ghi nhận sự thỏa thuận bà A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu T và cháu N, ông D phải cấp dưỡng để bà A nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng/tháng cho mỗi cháu. Tính cho 2 cháu là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng)/tháng. Ngày giao tiền cấp dưỡng là ngày 15 hàng tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà A, ông D có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì giành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về án phí: Bà A phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí. Ông D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trương Thị Hồng A được ly hôn với ông Hoàng Anh D.

Về quan hệ con chung: Bà A và ông D có 03 con chung là cháu Hoàng Trương P, sinh ngày: 03/01/1998, cháu Hoàng Trương T, sinh ngày 20/01/2001 và cháu Hoàng Khánh N, sinh ngày 15/10/2009.

Hiện cháu P đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên ở với ai là quyền của cháu.

Xử ghi nhận sự thỏa thuận là bà A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu T và cháu N.

Ông D phải cấp dưỡng để bà A nuôi con chung là cháu T và cháu N với mức 2.000.000 đồng/tháng cho mỗi cháu. Tính cho 2 cháu là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng)/tháng. Ngày giao tiền cấp dưỡng là ngày 15 hàng tháng.

Ông D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu người không trực tiếp nuôi dưỡng con phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà Ân, ông Dũng có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì giành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về án phí: Bà Trương Thị Hồng A phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà Ân đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai số 0008499 ngày 16/10/2017, bà A đã nộp xong án phí. Ông Hoàng Anh D phải nộp 300.000đ (Bai trăm ngàn đồng) án phí đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13-4-2018), đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR - VT;
- *VKSND tỉnh BR-VT;*
- VKSND H.Châu Đức;
- Cơ quan THA dân sự H.Châu Đức;
- UBND xã Bình Giã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Loan